

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 02 tháng 7 năm 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên; Bà Trần Thị Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 18/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2020, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị S, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, có mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Q, sinh năm: 1974.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội.

Nơi đăng ký tạm trú: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị S trình bày:

Chị Lê Thị S và anh Đỗ Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, thành phố Hà Nội, ngày 12/8/2011. Sau khi kết hôn, chị S và anh Q ở cùng với gia đình chồng được một thời gian ngắn, sau đó, vợ chồng chị S, anh Q đi làm ăn xa, không sống cùng gia đình ở quê nữa. Năm 2014, chị S lên sinh sống tại thôn P (nay là tổ dân phố P), thị trấn P, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Sau đó

khoảng hơn 01 năm thì anh Q lên sinh sống, làm việc cùng chị S tại thôn P, thị trấn P. Từ đó, vợ chồng chị S, anh Q cùng sinh sống tại thôn P, thị trấn P. Công việc chính của vợ chồng chị S là bán hàng nước. Từ khi lên Phong Thổ sinh sống, thỉnh thoảng, anh Q có về thăm quê một vài ngày rồi lại lên. Đến ngày 20/12/2019 Âm lịch, tức là ngày 14/01/2020 Dương lịch thì anh Q một mình về quê tại thôn H, xã H, huyện M, thành phố Hà Nội và ở đó luôn không lên Lai Châu nữa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị S, anh Q chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q thường xuyên uống rượu, chửi tục, ít quan tâm đến gia đình, vợ con, không giúp vợ lo kinh tế, vun đắp hạnh phúc gia đình. Chị S đã khuyên bảo anh Q nhiều lần, cho anh Q nhiều cơ hội để gìn giữ hạnh phúc gia đình nhưng anh Q không thay đổi. Khoảng từ năm 2018 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ năm 2019, anh Q đã không ở cùng nhà với chị S và các con nữa. Tuy nhiên, thỉnh thoảng anh Q vẫn giúp chị S đưa đón con đi học. Hiện nay, chị S không còn tình cảm với anh Q nữa nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị S và anh Q có 02 con chung là cháu Đỗ Đức A, sinh ngày 08/11/2009 và cháu Đỗ Đức L, sinh ngày 27/9/2013. Hiện nay, cả hai cháu đều đang ở với chị S, đang được chị S chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo. Chị S có công việc, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các cháu và có nguyện vọng là sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị S không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tại phiên hòa giải, bị đơn vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

Theo nội dung đơn đề nghị và tại các biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn là anh Đỗ Văn Q trình bày: Việc anh Q và chị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như lời khai của nguyên đơn. Thời gian gần đây, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Anh Q không muốn ly hôn nhưng nếu chị S vẫn kiên quyết ly hôn thì anh Q cũng nhất trí. Về con chung, nếu vợ chồng ly hôn, anh Q cũng có nguyện vọng được nuôi cả cháu Anh và cháu Lộc, anh Q không yêu cầu chị S cấp dưỡng. Nếu chị S muốn nuôi cả hai con thì anh Q cũng nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Q không có yêu cầu phản tố. Hiện tại anh đang làm lao động tự do ở quê tại xã H, huyện M, thành phố H, thu nhập mỗi tháng không xác định được. Do vợ chồng anh đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện M, thành

phố Hà Nội nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ chuyển vụ án về Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành Phố Hà Nội để giải quyết.

Theo lời khai của cháu Đỗ Đức A: Hiện nay, cả hai anh em cháu đều đang ở với mẹ, được mẹ yêu thương, quan tâm, chăm sóc. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, xác định: Vợ chồng anh chị Q, S sinh sống tại tổ dân số P, thị trấn P, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu từ khoảng năm 2015 cho đến nay, gia đình anh Q, chị S gồm có 04 người, có đăng ký tạm trú tại thị trấn P, thị trấn P.

Kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, thành phố Hà Nội, xác định: Anh Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện M, thành phố Hà Nội. Việc anh Q lên làm ăn, sinh sống tại thị trấn P, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu hay về quê từ thời gian nào thì Ủy ban nhân dân xã không nắm rõ vì anh Q không khai báo với chính quyền địa phương.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 54, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị S, xử: Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị S được ly hôn với anh Đỗ Văn Q.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Đức A và cháu Đỗ Đức L cho chị Lê Thị S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị S phải tạo điều kiện cho anh Q được thăm nom, chăm sóc các cháu theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là chị Lê Thị S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị S và anh Đỗ Văn Q. Tại thời điểm chị S gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn thì bị đơn là anh Q đang sinh sống tại thôn P, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, có đăng ký tạm trú. Vì vậy, đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm của Tòa án trong giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình thì việc anh Q đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ chuyển vụ án về Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội để giải quyết là không có cơ sở để được chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố nên vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị S và anh Đỗ Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị S, anh Q chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh Q thường xuyên uống rượu, không giúp vợ lo kinh tế gia đình. Chị S đã khuyên bảo anh Q nhiều lần và cho anh Q nhiều cơ hội để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng anh Q không thay đổi. Hiện nay, chị S không còn tình cảm với anh Q nữa và muốn được ly hôn với anh Q. Anh Q mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng nếu chị S kiên quyết muốn ly hôn thì anh Q cũng nhất trí. Tòa án đã thông báo phiên hòa giải và triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải nhưng tại phiên hòa giải, anh Q vắng mặt không có lý do. Qua lời khai của anh Q cho thấy anh Q vẫn còn tình cảm với chị S. Tuy nhiên, anh Q lại không có những hành động biểu hiện sự quyết tâm muốn giữ gìn, vun vén hạnh phúc gia đình. Giữa chị S và anh Q không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S, giải quyết cho chị S được ly hôn với anh Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị S và anh Q đều có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con và đều có nguyện vọng được nuôi các con là cháu Đỗ Đức A và cháu Đỗ Đức L. Tuy nhiên, anh Q cũng nhất trí để cho chị S nuôi cả hai cháu nếu chị S có nguyện vọng được nuôi con. Cháu A và cháu L đều đang ở với mẹ, được mẹ quan tâm, chăm sóc. Khi được Tòa án hỏi ý kiến, cháu Anh trình bày cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện nay, chị S đang có việc làm và thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Anh, cháu Lộc cho chị S là người trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Q có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị S là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị S cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị S không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Chị S và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị S được ly hôn với anh Đỗ Văn Q.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Đức A, sinh ngày 08/11/2009 và cháu Đỗ Đức L, sinh ngày 27/9/2013 cho chị Lê Thị S là người trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Q có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống

chung với chị S là người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị S cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị S không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản:** Chị S và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0004489, ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã Hợp Tiến,
huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh